

Kết luận hoạt động 1:

Em hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Dựa vào các kiến thức đã tìm hiểu ở Bài 3 về các bộ phận của Trùng roi, hãy cho biết:

- Đặc điểm cấu tạo cơ thể của Trùng roi ? (đơn bào hay đa bào)

.....

- Trùng roi di chuyển nhờ cơ quan nào?

.....

2. Trùng roi có những hình thức dinh dưỡng nào?

.....

3. Nhờ đâu mà trùng roi có thể tự dưỡng giống như thực vật?

.....

4. Cơ quan nào đảm nhận nhiệm vụ hô hấp ở trùng roi?

.....

5. Trùng roi bài tiết như thế nào?

.....

6. Hãy sắp xếp các bước sau đây theo thứ tự đúng với hoạt động sinh sản của Trùng roi

1: Tế bào tích lũy các chất để chuẩn bị cho quá trình phân đôi

2: Chất nguyên sinh và các bào quan phân đôi (điểm mắt, không bào co bóp, hạt diệp lục)

3: Hai tế bào con được hình thành

4: Tế bào bắt đầu tách đôi theo chiều dọc

5: Nhân nhân đôi, roi nhân đôi

6: Tế bào tiếp tục tách đôi

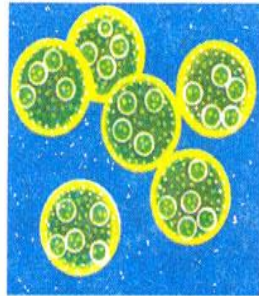
Trình tự đúng: → → → → →

☞ Trùng roi sinh sản vô tính bằng cách phân đôi cơ thể theo chiều dọc.

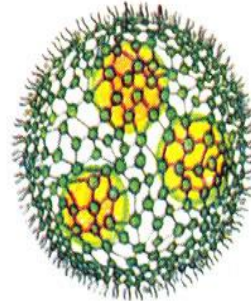
**Hoạt động 2:
Tìm hiểu về
tập đoàn trùng roi:**

+Tập đoàn trùng roi gồm nhiều tế bào có roi, liên kết lại với nhau tạo thành
+Ý nghĩa:
Chúng gợi ra mối quan hệ và nguồn gốc giữa động vật đơn bào và động vật đa bào

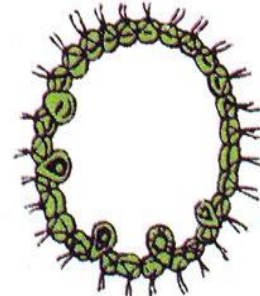
Quan sát hình ảnh sau:



Tập đoàn có hình cầu với hàng nghìn tế bào



Mỗi tập đoàn gồm các tế bào liên kết lại như mạng lưới



Ở lát cắt tập đoàn thấy rõ mỗi cá thể có 2 roi hướng ra ngoài

Hình 4.3. Cấu tạo tập đoàn trùng roi

Kết luận hoạt động 2:

Từ ảnh trên, ta có thể thấy tập đoàn trùng roi có nhiều tế bào, vậy theo em tập đoàn trùng roi có phải là cơ thể đa bào không? Vì sao?

.....

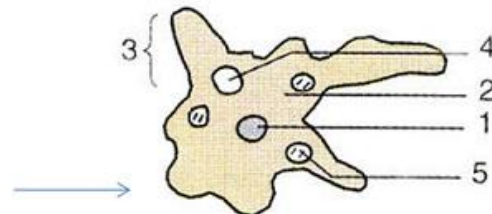
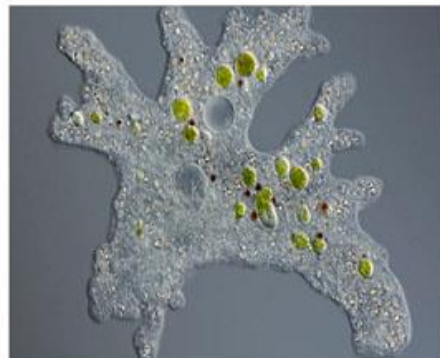
.....

.....

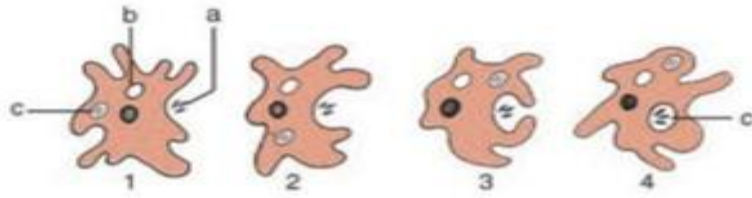
.....

**Hoạt động 3:
Tìm hiểu về
trùng biến hình**

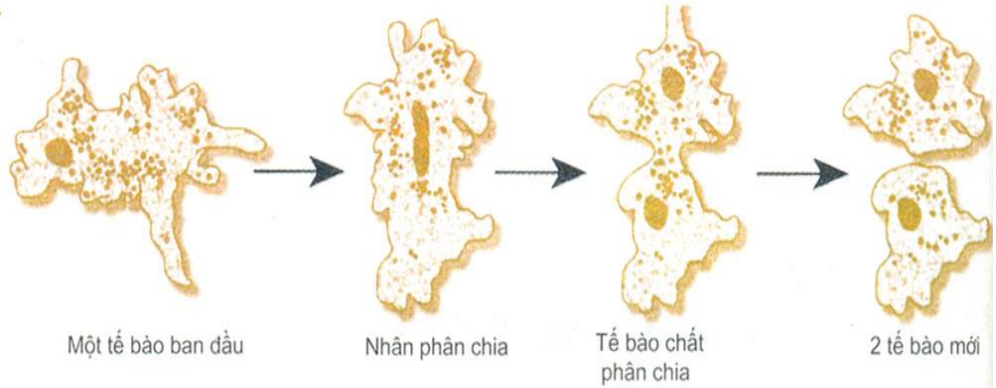
Hãy quan sát ảnh và thông tin trong ảnh và thực hiện các yêu cầu bên dưới:



Hình 5.1. Cấu tạo cơ thể trùng biến hình
1. Nhân ; 2. Chất nguyên sinh ; 3. Chân giả ; 4. Không bào co bóp ; 5. Không bào tiêu hoá.



Hình 5.2. Trùng biến hình bắt mồi và tiêu hoá
a) Mồi ; b) Không bào co bóp ; c) Không bào tiêu hoá.



Sinh sản của trùng biến hình

Kết luận hoạt động 3:

1.Em có nhận xét gì về cấu tạo cơ thể của trùng biến hình?

.....

2.Dựa vào hình 5.2, em hãy mô tả các giai đoạn bắt mồi của trùng biến hình

.....

3.Dựa vào hình sinh sản của trùng biến hình, em hãy cho biết trùng biến hình sinh sản bằng hình thức gì? Nêu kết quả của quá trình sinh sản ở biến hình.

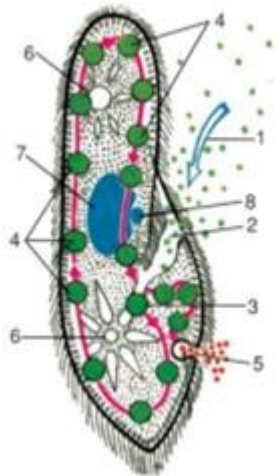
.....

**Hoạt động 4:
Tìm hiểu về
trùng giày:**

Hãy đọc đoạn thông tin, quan sát hình

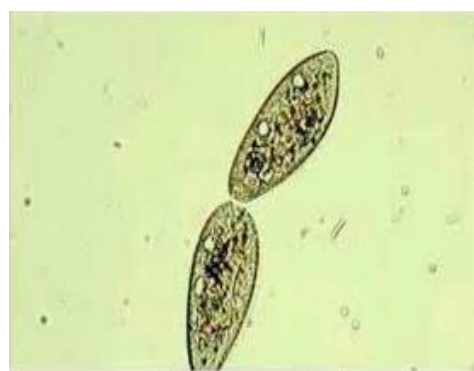
***Dinh dưỡng:**

Thức ăn (gồm vi khuẩn, vụn hữu cơ...) được lông bơi dồn về lỗ miệng. Thức ăn qua miệng và hầu được vo thành viên trong không bào tiêu hóa. Sau đó không bào tiêu hóa rời hầu di chuyển trong cơ thể theo một quỹ đạo nhất định. Enzim tiêu hóa biến thức ăn thành chất lỏng thấm vào chất nguyên sinh. Chất bã được thải ra ngoài qua lỗ thoát ở thành cơ thể.

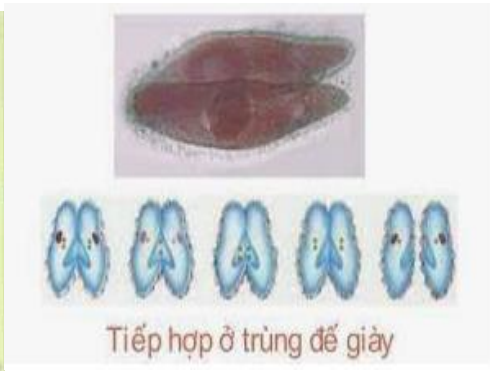


Hình 5.3. Dinh dưỡng ở trùng giày
1. Thức ăn được lông bơi cuốn vào miệng ; 2. Miệng ;
3. Không bào tiêu hoá ở đáy hầu ; 4. Quỹ đạo di chuyển của không bào tiêu hoá ; 5. Lỗ thoát thải bã ;
6. Không bào co bóp ; 7. Nhân lớn ; 8. Nhân nhỏ.

***Sinh sản:**



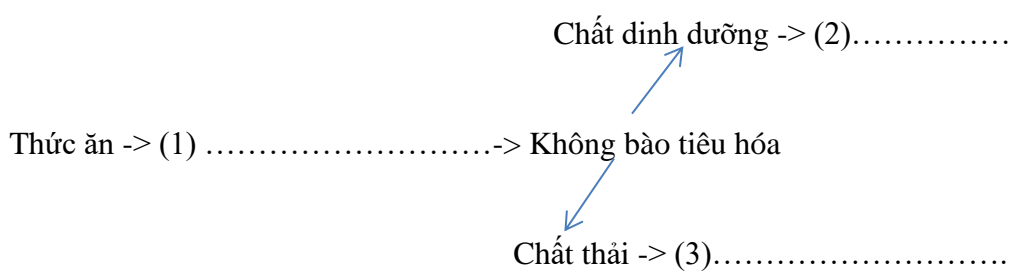
Sinh sản vô tính (phân đôi theo chiều ngang)



Sinh sản hữu tính (tiếp hợp)

Kết luận hoạt động 4:

1. Hãy hoàn thành sơ đồ sau:



2. Hãy hoàn thành thông tin sau:

Trùng giày là động vật đơn bào nhưng có cấu tạo đã phân hóa thành nhiều

..... như nhân và nhân, không bào co bóp, miệng, hầu. Mỗi bộ phận đảm nhiệm chức năng sống nhất định. Trùng giày sinh sản bằng cách và

**Hoạt động 5:
Tìm hiểu về
trùng kiết lỵ và
trùng sốt rét**

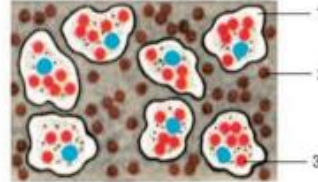
Hãy quan sát ảnh và đọc đoạn thông tin

***Trùng kiết lỵ:**

■ Trùng kiết lỵ giống trùng biến hình, chỉ khác ở chỗ chân giả rất ngắn. Bào xác trùng kiết lỵ (hình 6.1) theo thức ăn, nước uống vào ống tiêu hoá người. Đến ruột, trùng kiết lỵ chui ra khỏi bào xác, gây các vết loét ở niêm mạc ruột rồi nuốt hồng cầu ở đó để tiêu hoá chúng (hình 6.2) và sinh sản rất nhanh. Bệnh nhân đau bụng, đi ngoài, phân có lẫn máu và chất nhầy như nước mũi. Đó là triệu chứng bệnh kiết lỵ.



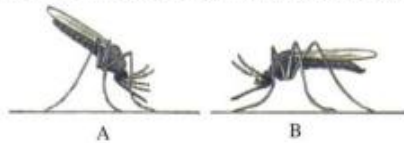
Hình 6.1. Bào xác trùng kiết lỵ
1. Bào xác ; 2. Trùng kiết lỵ đang chui khỏi vỏ bào xác khi vào ruột người.



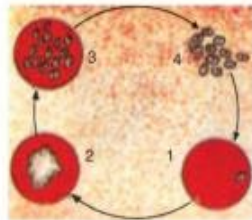
Hình 6.2. Trùng kiết lỵ nuốt hồng cầu
1. Trùng kiết lỵ ; 2. Hồng cầu ở thành ruột ;
3. Hồng cầu bị trùng kiết lỵ nuốt.

***Trùng sốt rét:**

■ Trùng sốt rét do muỗi Anôphen (hình 6.3) truyền vào máu người. Chúng chui vào hồng cầu để kí sinh và sinh sản cùng lúc cho nhiều trùng sốt rét mới, phá vỡ hồng cầu chui ra và lại chui vào nhiều hồng cầu khác, tiếp tục chu trình huỷ hoại hồng cầu (cứ sau 48 giờ một lần với trùng sốt rét thường gặp, gây ra bệnh sốt rét cách nhật) (hình 6.4).



Hình 6.3. Phân biệt muỗi Anôphen
A - Muỗi Anôphen gập nhiều ở miền núi
B - Muỗi thường gặp ở khắp nơi.



Hình 6.4. Sinh sản của trùng sốt rét ở máu người
1. Trùng sốt rét chui vào kí sinh ở hồng cầu.
2,3. Chúng sử dụng hết chất nguyên sinh bên trong hồng cầu, sinh sản vô tính cho nhiều cá thể mới.
4. Chúng phá vỡ hồng cầu để chui ra ngoài tiếp tục vòng đời kí sinh mới.

So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa trùng kiết lỵ và trùng sốt rét:

.....
.....
.....
.....

Kết luận hoạt động 5:

1. Theo em, nguyên nhân nào gây nên bệnh kiết lỵ?

.....
.....
.....
.....

2. Bệnh sốt rét thường hay xảy ra ở miền nào? Vì sao?

.....

.....

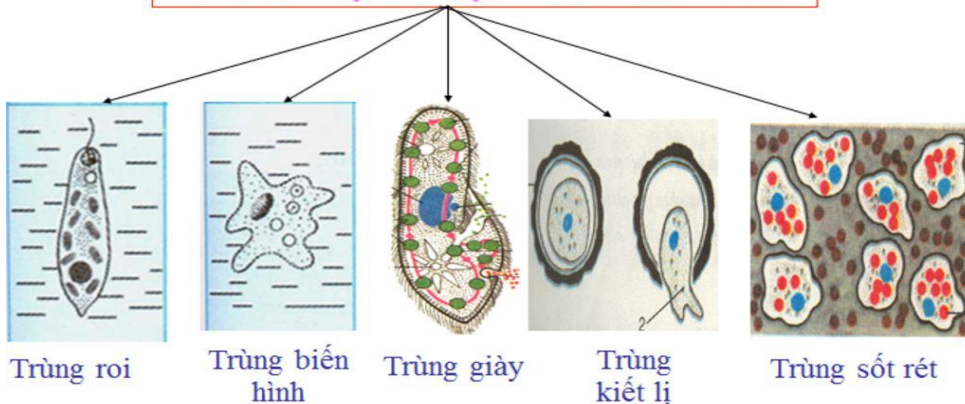
.....

.....

Hoạt động 6:
Tìm hiểu đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của động vật nguyên sinh

Quan sát hình ảnh sau và đọc thông tin

NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH



Rút ra đặc điểm chung gì:

.....

.....

.....

.....

Vai trò ra sao?

.....

.....

.....

Kết luận hoạt động 6:

Dựa vào các kiến thức đã học, hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1: Cơ thể của động vật nguyên sinh có đặc điểm chung là:

- A. Có kích thước hiển vi, chỉ là một tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống
- B. Có kích thước hiển vi, đa bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống
- C. Có kích thước hiển vi, chỉ là một hoặc hai tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống
- D. Có kích thước hiển vi, đơn bào hoặc đa bào đơn giản nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

Câu 2: Hiện động vật nguyên sinh có

- A. 400 loài
- B. 4000 loài
- C. 40000 loài

	<p>D. 400000 loài</p> <p>Câu 3: Nhóm động vật nguyên sinh nào sau đây sống tự do</p> <p>A.Trùng giày, trùng biến hình, trùng roi</p> <p>B.Trùng roi, trùng kiết lị, trùng giày</p> <p>C.Trùng biến hình, trùng sốt rét, trùng kiết lị</p> <p>D.Trùng giày, trùng sốt rét, trùng kiết lị</p> <p>Câu 4: Nhóm động vật nguyên sinh nào sau đây sống kí sinh</p> <p>A.Trùng giày, trùng sốt rét</p> <p>B.Trùng roi, trùng kiết lị</p> <p>C.Trùng biến hình, trùng giày</p> <p>D.Trùng kiết lị, trùng sốt rét</p> <p>Câu 5: Động vật nguyên sinh nào không có cơ quan di chuyển</p> <p>A.Trùng roi</p> <p>B.Trùng sốt rét</p> <p>C.Trùng giày</p> <p>D.Trùng biến hình</p> <p>Câu 6: Động vật nguyên sinh nào có thể sinh sản tự dưỡng như thực vật</p> <p>A.Trùng roi</p> <p>B.Trùng biến hình</p> <p>C.Trùng kiết lị</p> <p>D.Trùng giày</p> <p>Câu 7: Đặc điểm sinh sản ở động vật nguyên sinh là</p> <p>A.Chi sinh sản phân đôi</p> <p>B.Sinh sản theo hình thức tiếp hợp</p> <p>C.Sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi hoặc nảy chồi</p> <p>D.Phần lớn sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi, một số loài sinh sản hữu tính (tiếp hợp)</p>
--	--

Ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Know	Want	Learn
Sinh 7	Hoạt động 1			

	Hoạt động 2			
	Hoạt động 3			
	Hoạt động 4			
	Hoạt động 5			
	Hoạt động 6			